

BÁO CÁO
Tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW;
các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Công văn số 481-CV/ĐU ngày 09/6/2026 của Đảng ủy xã về việc báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

Ủy ban nhân dân xã báo cáo tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026 như sau:

PHẦN 1
TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả nổi bật nhất qua triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, gắn rõ mục tiêu, chỉ tiêu với nhiệm vụ và trách nhiệm người đứng đầu. UBND xã đã duy trì cơ chế theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống báo cáo trực tuyến¹ và thực hiện cập nhật theo yêu cầu của hệ thống Trung ương. Một số kết quả nổi bật bước đầu như:

- Việc cập nhật số liệu trực tuyến trên Hệ thống giám sát Nghị quyết 57-NQ/TW được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ bảo đảm tiến độ và chất lượng theo hướng dẫn của Trung ương. Hiện UBND xã hoàn thành 34/34 nhiệm vụ trên hệ thống và báo cáo các kỳ theo yêu cầu.

- Phong trào Bình dân học vụ số được triển khai sâu rộng trên địa bàn xã. UBND xã chỉ đạo cán bộ, công chức và các Tổ công nghệ số cộng đồng thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn cho nhân dân các kỹ năng thực hiện chuyển đổi số như không dùng tiền mặt, thực hiện các thủ tục hành chính trên dịch vụ công, VNieD mức độ 2...

- Tiến độ thực hiện nhiệm vụ được kiểm soát, công tác chuyển đổi số được thực hiện, ứng dụng AI trong đội ngũ cán bộ công chức bước đầu mang lại kết quả nhất định; đẩy mạnh công tác giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử góp phần xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành; giải quyết thủ tục hành chính duy trì tỷ lệ đúng hạn cao.

¹ Địa chỉ <https://theodoingq.dcs.vn>.

2. Chuyển biến quan trọng nhất so với thời điểm mới ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW: Chuyển biến quan trọng nhất là nhận thức và hành động của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đã được nâng lên rõ rệt. Việc sử dụng văn bản điện tử, chữ ký số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các nền tảng số ngày càng trở nên phổ biến; người dân chủ động hơn trong việc tiếp cận, sử dụng các dịch vụ số và ứng dụng công nghệ trong học tập, lao động, sản xuất và đời sống.

3. Những tồn tại, điểm nghẽn lớn hiện nay đang cản trở tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện

- Về nguồn nhân lực: chưa bố trí được cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin; đội ngũ hiện nay chủ yếu kiêm nhiệm, năng lực chuyên sâu còn hạn chế, ảnh hưởng đến việc tiếp cận, nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ mới.

- Về liên thông, kết nối dữ liệu: việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phần mềm chuyên ngành với cơ sở dữ liệu quốc gia và cấp tỉnh còn chưa đồng bộ; một số hệ thống chưa bảo đảm kết nối ổn định, còn phát sinh tình trạng nhập liệu lặp lại.

- Về nguồn lực tài chính: ngân sách địa phương còn hạn chế, trong khi nhu cầu đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị, trường, trạm y tế và khu vực dân cư còn lớn.

- Về kỹ năng số của một bộ phận người dân, đặc biệt là người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế còn hạn chế; việc tiếp cận, sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và ứng dụng số trong đời sống chưa thực sự đồng đều. Việc thay đổi thói quen từ phương thức truyền thống sang môi trường số cần thêm thời gian và sự hỗ trợ thường xuyên từ các cơ quan, đơn vị và các Tổ công nghệ số cộng đồng.

4. Mô hình phát triển mới

- Mô hình chính quyền số cấp xã: đang trong quá trình hình thành và vận hành dựa trên nền tảng số hóa các dữ liệu chuyên ngành như đất đai, hộ tịch, dân cư. Việc ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử, chữ ký số và dịch vụ công trực tuyến giúp tối ưu hóa quy trình xử lý công việc, giảm thiểu các khâu trung gian và hạn chế sự can thiệp thủ công. Qua đó, nâng cao tính chính xác, minh bạch và tăng cường khả năng dự báo trong công tác quản lý nhà nước tại địa phương.

- Mô hình xã hội số: tập trung xây dựng môi trường sống và làm việc dựa trên nền tảng công nghệ số, bao gồm:

- + Trong lĩnh vực giáo dục: đẩy mạnh ứng dụng các nền tảng số trong quản lý dạy và học; triển khai học bạ số, học liệu số và tăng cường sự kết nối thông tin giữa nhà trường, gia đình và cơ quan quản lý.

- + Trong đời sống và quản lý dân cư: nâng cao kỹ năng số cho người dân, thúc đẩy việc sử dụng các dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng giao tiếp và tiện ích số

trong sinh hoạt hàng ngày, góp phần thu hẹp khoảng cách số và xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, hiện đại.

- Mô hình Kinh tế số bước đầu hình thành: gắn liền với việc thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt và hỗ trợ các hộ kinh doanh, hợp tác xã tiếp cận thương mại điện tử. Địa phương chú trọng việc số hóa thông tin, hình ảnh sản phẩm đặc trưng và xây dựng các gian hàng trực tuyến, tạo tiền đề quan trọng cho việc phát triển kinh tế số, kết nối cung cầu và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tại địa phương trong thời gian tới.

I. VỀ CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả nổi bật trong công tác chỉ đạo, điều hành

Thời gian qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, sự hỗ trợ về chuyên môn của các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng quyết liệt, có trọng tâm, trọng điểm. UBND xã ban hành các Kế hoạch² tổ chức thực hiện; các hệ thống ứng dụng dùng chung vận hành cơ bản ổn định; cán bộ, công chức, viên chức ở xã duy trì sử dụng, phát huy hiệu quả việc khai thác, sử dụng các hệ thống dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành, tác nghiệp, bảo đảm xử lý hồ sơ công việc và hồ sơ thủ tục hành chính chủ yếu trên môi trường số; Tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến, chất lượng giải quyết thủ tục hành chính đúng hạn đạt mức cao, góp phần giảm thời gian, giảm đi lại cho người dân và doanh nghiệp; đẩy nhanh làm sạch cơ sở dữ liệu nền tảng; thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt, hóa đơn điện tử và các tiện ích số phục vụ người dân.

Việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW tại địa phương đã góp phần nâng cao tính chủ động trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; xây dựng các kế hoạch để triển khai thực hiện; các hệ thống dùng chung của các bộ ngành Trung ương, của tỉnh như việc xử lý văn bản, điều hành công việc, giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện ổn định, hạn chế tình trạng xử lý thủ công; việc trao đổi thông tin giữa các bộ phận

² Kế hoạch số 872/KH-UBND ngày 23/9/2025 về Thực hiện Phong Trào "Bình dân học vụ số"; Kế hoạch số 1240/KH-UBND ngày 15/10/2025 về Chuyển đổi số xã Bờ Y năm 2025; Kế hoạch số 1749/KH-UBND ngày 17/11/2025 về thực hiện Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 17/10/2025 của Ban Chỉ đạo tỉnh(1); Kế hoạch số 244/KH-UBND ngày 26/01/2026 về Chuyển đổi số xã Bờ Y năm 2026; Kế hoạch số 462/KH-UBND ngày 13/02/2026 về Phát triển Chính quyền số giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn xã Bờ Y; Kế hoạch số 724/KH-UBND Bờ Y ngày 16/3/2026 về Ứng dụng CNTT phát triển Chính quyền điện tử, hướng tới Chính quyền số trong cơ quan nhà nước tại UBND xã Bờ Y năm 2026; Kế hoạch số 534/KH-UBND ngày 02/3/2026 Kế hoạch Chuyển đổi số giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn xã Bờ Y; Kế hoạch số 1088/KH-UBND, ngày 08 tháng 4 năm 2026 thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Bờ Y năm 2026; Kế hoạch số 1248/KH-UBND ngày 15/4/2026 về Triển khai thi hành Luật Chuyển đổi số trên địa bàn xã Bờ Y; Kế hoạch số 1198/KH-UBND ngày 13/4/2026 về Triển khai thi hành Luật An ninh mạng trên địa bàn xã Bờ Y; Kế hoạch số 1617/KH-UBND ngày 7/5/2026 về Triển khai thực hiện Đề án "Thông tin, tuyên truyền về phát triển, ứng dụng năng lượng nguyên tử phục vụ phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2035" trên địa bàn xã Bờ Y; Kế hoạch số 1737/KH-UBND ngày 14/5/2026 về Triển khai Chương trình "Đẩy mạnh truyền thông thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đến năm 2030" trên địa bàn xã Bờ Y; Kế hoạch số 2108 /KH-UBND, ngày 09/6/2026 về thực hiện phong trào "Bình dân học vụ số" trên địa bàn xã Bờ Y năm 2026...

được thuận lợi hơn, góp phần giảm thời gian xử lý công việc và nâng cao hiệu quả phục vụ người dân.

2. Về hoàn thiện thể chế, chính sách

UBND xã ban hành quy chế làm việc, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc xã ban hành quy chế hoạt động; chỉ đạo quản lý, sử dụng mạng máy tính, xử lý văn bản điện tử, quản lý hồ sơ công việc, bảo đảm an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước. Bổ sung các tiêu chí về mức độ ứng dụng công nghệ thông tin, tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến vào Quy chế thi đua khen thưởng hằng năm đối với cán bộ, công chức. Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong việc đảm bảo tiến độ số hóa hồ sơ tại bộ phận chuyên môn mình phụ trách.

II. VỀ CHUYÊN ĐỔI SỐ

1. Về thủ tục hành chính (TTHC) và cung cấp dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)

- Công tác cải cách hành chính được quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai kịp thời, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất. Đã triển khai thực hiện tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, ngành theo danh mục các thủ tục hành chính đã cấu hình trên hệ thống của Bộ, ngành. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được đầu tư về cơ sở vật chất, các trang thiết bị công nghệ thông tin đảm bảo phục vụ tốt cho công tác tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính xã. Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các Trung tâm Phục vụ hành chính công thường xuyên được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu công việc, tạo sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp.

- Trung tâm tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong công tác cải cách hành chính năm 2026³. **Kết quả giải quyết TTHC 06 tháng đầu năm (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 08 tháng 06 năm 2026):**

+ Kết quả giải quyết TTHC (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 08 tháng 6 năm 2026): Tổng số hồ sơ tiếp nhận 2.481 hồ sơ/10 lĩnh vực/43 TTHC (trong đó có 1.550 hồ sơ tiếp nhận trực tuyến, đạt tỷ lệ 73,18% trên tổng số hồ sơ được tiếp nhận trong kỳ; 568 hồ sơ nhận trực tiếp, hồ sơ chuyển qua từ kỳ trước 363 hồ sơ). Số lượng hồ sơ đã giải quyết là 2.039 hồ sơ (trong đó có 1.456 hồ sơ trả trước hạn, có 331 hồ sơ đúng hạn và 252 hồ sơ quá hạn); Hồ sơ đang giải quyết là 407 (trong đó 195 hồ sơ trong hạn và 212 hồ sơ quá hạn). Hồ sơ rút 35 hồ sơ.

+ Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC:

³ Quyết định số 859/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Bờ Y về việc ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 xã Bờ Y.

Hiện tại các Bộ chưa cấu hình kết quả số hóa thủ tục hành chính. Số liệu thống kê theo cổng tỉnh (motcua.quangngai.gov.vn). (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 08 tháng 6 năm 2026):

Tỷ lệ số hồ sơ có số hóa đầy đủ thành phần hồ sơ khi tiếp nhận đạt 99,82% so với tổng số hồ sơ được tiếp nhận; tỷ lệ số hoá kết quả hồ sơ có đính kèm tệp tin kết quả đạt 89,88% so với tổng số hồ sơ đã giải quyết, có 162 hồ sơ không có tệp đính kèm. Số hồ sơ có kết quả lưu vào kho quản lý dữ liệu điện tử 456 hồ sơ.

+ Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC: Trong kỳ, Trung tâm Phục vụ hành chính công xã đã tiếp nhận 01 phản ánh, kiến nghị của công dân thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia về việc giải quyết chậm trễ hồ sơ thuộc lĩnh vực Tư pháp - Hộ tịch trên địa bàn xã. Sau khi tiếp nhận, Trung tâm đã có văn bản yêu cầu HĐND và UBND xã chủ trì kiểm tra, xác minh nội dung phản ánh; báo cáo kết quả xử lý, làm rõ nguyên nhân chậm trễ, đề xuất biện pháp khắc phục, đồng thời tham mưu UBND xã ban hành văn bản trả lời công dân theo quy định. Không phát sinh phản ánh, kiến nghị trực tiếp tại Trung tâm.

+ Về triển khai sử dụng dịch vụ công trực tuyến:

Hiện tại các Bộ chưa cấu hình kết quả ứng dụng dịch vụ công trực tuyến. Số liệu thống kê theo cổng tỉnh (motcua.quangngai.gov.vn). (Từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến ngày 08 tháng 6 năm 2026):

Tổng số TTHC dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp: 374 TTHCC (*trong đó dịch vụ công trực tuyến một phần là 234 TTHCC và dịch vụ công trực tuyến toàn trình là 140 TTHCC*). Số lượng hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết của DVC trực tuyến là 1.251 hồ sơ/39 TTHCC có phát sinh hồ sơ (*trong đó trực tuyến một phần là 464 hồ sơ/19 TTHC; trực tuyến toàn trình là 787 hồ sơ/20 TTHC*).

- Kết quả tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức liên quan đến quy định TTHC

Trung tâm Phục vụ hành chính công xã thực hiện giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “Một cửa” đúng theo trình tự, thủ tục quy định của pháp luật, đáp ứng được nhu cầu phục vụ cho Nhân dân, tính tới thời điểm hiện tại chưa có tổ chức, công dân khiếu nại, phản ánh, kiến nghị về việc thực hiện theo cơ chế một cửa của UBND xã.

- Kết quả thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết TTHC

Trong kỳ báo cáo, cơ quan đã thực hiện việc đánh giá chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo quy định, bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch. Việc đánh giá được thực hiện thông qua hệ thống đánh giá trực tuyến, phiếu khảo sát và ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ

hành chính công. Kết quả đánh giá cho thấy mức độ hài lòng của người dân và doanh nghiệp tiếp tục được duy trì ở mức cao (đạt trên 97%).

Việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến đã góp phần nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính, giảm thời gian đi lại, chi phí thực hiện thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; đồng thời giảm chi phí in ấn, lưu trữ hồ sơ giấy và nâng cao hiệu quả xử lý công việc của cơ quan nhà nước. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến, thanh toán trực tuyến đã góp phần tăng tính công khai, minh bạch, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

2. Về hạ tầng, kiến trúc số

- Kết quả phủ sóng di động; xử lý các điểm lồi sóng

Tỷ lệ phủ sóng 4G trên địa bàn xã đạt 100%; tỉ lệ người dân trên địa bàn xã sử dụng có khả năng truy cập internet băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s; có 01 trụ phát sóng 5G tại trung tâm xã. Trên địa bàn xã, địa phương chưa ghi nhận các điểm lồi sóng lớn ảnh hưởng đến việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số.

- Việc bảo đảm hạ tầng số, trang thiết bị phục vụ cho chuyển đổi số

Hiện nay, trụ sở các cơ quan, đơn vị xã đã được phủ sóng Wifi toàn bộ khu vực làm việc, phục vụ cho cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình làm việc và xử lý hồ sơ trực tuyến, phục vụ người dân và các phòng họp, hội nghị. Về kết nối Internet cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc và đạt tiêu chuẩn hướng dẫn của tỉnh.

Trụ sở UBND xã đã được trang bị hệ thống mạng LAN nội bộ, kết nối đến tất cả các phòng chuyên môn, cơ quan, đơn vị đảm bảo phục vụ công tác trao đổi dữ liệu, xử lý văn bản điện tử và thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Mạng LAN được kết nối thống nhất cho các cơ quan hành chính tại trụ sở, đảm bảo tính liên thông trong khai thác, sử dụng phần mềm quản lý điều hành và các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh. Ngoài ra, UBND xã đã thực hiện việc lắp đặt hệ thống mạng Wifi tại 30/30 nhà văn hóa thôn, tổ dân phố phục vụ hoạt động của thôn trong thực hiện các dịch vụ số. Bố trí cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, thiết bị cần thiết cho Trung tâm Phục vụ hành chính trong thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả thủ tục hành chính, đáp ứng nhu cầu của người dân.

Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: UBND xã đã bố trí 02 đường truyền dữ liệu số chuyên dùng để phục vụ các cuộc họp trực tuyến do Trung ương, tỉnh tổ chức.

Đối với chữ ký số cá nhân, xã duy trì triển khai chữ ký số chuyên dùng công vụ do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp phục vụ xử lý văn bản điện tử, hồ sơ công việc và giải quyết thủ tục hành chính; hiện nay đã bảo đảm 100% cơ quan quản lý nhà nước được cấp chứng thư số cho tập thể và cá nhân.

3. Nền tảng số quốc gia, dùng chung

Kết quả triển khai, khai thác, sử dụng các nền tảng số quốc gia, hệ thống thông tin dùng chung, chuyên ngành:

- UBND xã đã tích cực triển khai, khai thác và sử dụng hiệu quả các nền tảng số quốc gia, hệ thống thông tin dùng chung và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ cho người dân, doanh nghiệp. Các nền tảng, hệ thống được triển khai đồng bộ gồm:

- + Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice;
- + Hệ thống thư điện tử công vụ;
- + Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính;
- + Cổng Dịch vụ công quốc gia;
- + Ứng dụng định danh điện tử VNeID;
- + Hệ thống quản lý cán bộ, công chức;
- + Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;
- + Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử;
- + Các cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước.

- Công tác cập nhật, làm sạch dữ liệu được quan tâm thực hiện theo nguyên tắc “đúng - đủ - sạch - sống - thống nhất - dùng chung”, từng bước hình thành nền tảng dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện trên địa bàn.

- Việc khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành đã góp phần nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính, giảm thời gian xác minh thông tin, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình thực hiện các giao dịch hành chính.

4. Nguồn nhân lực cho chuyển đổi số

- Kết quả về đào tạo, hướng dẫn, tập huấn nâng cao kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người dân tham gia chuyển đổi số:

+ Công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho cán bộ, công chức và Nhân dân được địa phương quan tâm triển khai thường xuyên, liên tục với nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

+ 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong khu vực công trên địa bàn xã đã hoàn thành các khóa học về chuyển đổi số; tích cực tham gia các lớp tập huấn do cấp trên tổ chức; đồng thời tham gia học tập các chuyên đề thuộc Phong trào “Bình dân học vụ số”.

+ Ủy ban nhân dân xã đã thành lập 01 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và 30 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 30/30 thôn, tổ dân phố làm lực lượng nòng cốt tuyên

truyền, hướng dẫn người dân sử dụng các nền tảng số, dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt và các tiện ích số phục vụ đời sống.

- Việc bố trí nhân sự chuyên trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương: Hiện nay, UBND xã bố trí 01 công chức kiêm nhiệm phụ trách lĩnh vực công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Bên cạnh đó, địa phương đã phát huy hiệu quả vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng xã và 30 Tổ công nghệ số cộng đồng thôn, tổ dân phố; huy động sự tham gia của lực lượng công an, giáo viên tin học, đoàn viên thanh niên và các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các dịch vụ số.

5. Về phát triển kinh tế số, xã hội số

Hiện trên địa bàn xã đã có 20.717/25.449 (đạt trên 81%) người trên 14 tuổi được cấp tài khoản VNeID mức độ 2. Lĩnh vực giáo dục, y tế triển khai thanh toán không tiền mặt đạt tỷ lệ 100%; sử dụng ứng dụng VssID- Bảo hiểm xã hội số, sổ khám sức khỏe điện tử hoặc thẻ căn cước công dân/căn cước để đăng ký khám, cấp phát thuốc; theo dõi, quản lý thông tin học sinh Hệ thống quản lý học sinh điện tử (SMAS, VnEdu, học bạ điện tử, các văn bản, báo cáo, kế hoạch, công văn được quản lý qua phần mềm điện tử iOffice). Chi trả an sinh xã hội qua tài khoản đạt trên 90%. Hỗ trợ các doanh nghiệp/hộ kinh doanh đưa sản phẩm lên các nền tảng mạng xã hội Zalo, Tiktok, Facebook,... sàn thương mại điện tử. Hướng dẫn sử dụng hóa đơn điện tử, hợp đồng điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt...

6. Về tài chính, kinh phí: Hiện kinh phí cấp cho KHCN, ĐMST, CDS chưa có.

VII. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG

Đánh giá tổng hợp, bao quát trên các các nhóm vấn đề:

- Những thành tựu và thay đổi đột phá đã đạt được: Công tác phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn xã đã có nhiều chuyển biến tích cực. Nhận thức của cấp ủy, chính quyền, cán bộ, công chức và Nhân dân về vai trò của chuyển đổi số ngày càng được nâng cao. Hạ tầng số từng bước được hoàn thiện; các hệ thống thông tin dùng chung được vận hành ổn định. Xã đã thành lập 01 Tổ công nghệ số cộng đồng cấp xã và 30 Tổ công nghệ số cộng đồng tại 30/30 thôn, tổ dân phố; phối hợp tổ chức tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức và lực lượng nòng cốt ở cơ sở. Tỷ lệ kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 đạt trên 81%, góp phần thúc đẩy phát triển chính quyền số, công dân số và triển khai hiệu quả Đề án 06 của Chính phủ.

- Bài học kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện: Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền và vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu là yếu tố quyết định thành công. Cần phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, lấy người dân làm trung tâm của chuyển đổi số; chú trọng công tác tuyên

truyền, đào tạo, nâng cao kỹ năng số cho cán bộ và Nhân dân; đồng thời quan tâm đầu tư hạ tầng, trang thiết bị và huy động hiệu quả các nguồn lực để bảo đảm triển khai chuyển đổi số đồng bộ, thực chất và bền vững.

Phần 2

HÀNH ĐỘNG ĐỘT PHÁ, LAN TỎA KẾT QUẢ

1. Mô hình hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến tại chỗ thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng

- Nhận diện khó khăn từ việc người dân còn lúng túng trong thao tác kỹ thuật, xã đã chuyển đổi phương thức từ tuyên truyền thụ động sang hỗ trợ trực tiếp. Thông qua lực lượng nòng cốt là các Tổ công nghệ số cộng đồng tại 30 thôn, tổ dân phố kết hợp với cán bộ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, xã triển khai chiến dịch hướng dẫn tại chỗ. Khi người dân đến thực hiện thủ tục, cán bộ sẽ trực tiếp hướng dẫn các bước: từ việc đăng ký tài khoản, cài đặt ứng dụng định danh điện tử đến việc đính kèm hồ sơ và nộp trực tuyến hoàn toàn trên môi trường mạng.

- Mô hình đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ về hành vi giao dịch của nhân dân. Kết quả cụ thể trong 6 tháng đầu năm 2026 (từ ngày 01/01/2026 đến ngày 08/6/2026), xã đã tiếp nhận hồ sơ trực tuyến: 2.481 hồ sơ/10 lĩnh vực/43 TTHC.

- Việc thực hiện trực tiếp tại chỗ đã xóa bỏ rào cản về kỹ năng số, giúp giảm thiểu tối đa việc tiếp xúc trực tiếp giữa cán bộ và người dân, từ đó tăng cường tính minh bạch và giảm thời gian chờ đợi. Đây là mô hình mẫu về “phổ cập kỹ năng số cơ sở”, có thể áp dụng rộng rãi để nâng cao tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến tại các xã có trình độ dân trí không đồng đều.

2. Mô hình kết nối giáo dục số qua nền tảng VnEdu

Xã đã thực hiện chuyển đổi số toàn diện trong lĩnh vực giáo dục bằng cách áp dụng nền tảng số hóa VnEdu vào công tác quản lý và giảng dạy. Thay thế hoàn toàn các hình thức quản lý sổ sách, học bạ giấy truyền thống bằng học bạ điện tử, học liệu số và hệ thống quản lý điểm, chuyên cần trực tuyến.

Mô hình đã được triển khai đồng bộ tại 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn xã gồm các trường Mầm non, trường Tiểu học, trường Trung học cơ sở.

Mô hình đã thiết lập được cơ chế kết nối thông tin thời gian thực giữa ba trụ cột: Nhà trường - Gia đình - Cơ quan quản lý. Phụ huynh có thể theo dõi sát sao tiến trình học tập, rèn luyện của con em mình mọi lúc, mọi nơi qua các ứng dụng số. Đồng thời, giúp ngành giáo dục địa phương quản lý dữ liệu học sinh một cách khoa học, chính xác, minh bạch, tạo tiền đề cho việc ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong đổi mới phương pháp dạy học trong giai đoạn tới.

Phần 3

MỘT SỐ NỘI DUNG CHƯA THỰC CHẤT, ĐIỂM NGHẼN

I. CÁC NỘI DUNG CÒN HÌNH THỨC, CHƯA THỰC CHẤT

- Những nội dung, nhiệm vụ, hoạt động, chương trình, kế hoạch đã được triển khai, hoàn thành về mặt thủ tục, báo cáo nhưng chưa tạo ra tác động thực tế: Việc ban hành kế hoạch, báo cáo ở một số cơ quan, đơn vị chưa gắn với giải pháp cụ thể và kết quả đầu ra rõ ràng.

- Những kết quả không được áp dụng, không mang lại giá trị gia tăng, hoặc chỉ dừng lại ở mức “có làm” chứ chưa “làm hiệu quả”: Một bộ phận cán bộ, công chức và người dân đã được tập huấn, hướng dẫn kỹ năng số nhưng việc ứng dụng vào thực tiễn còn hạn chế. Việc triển khai lực lượng nòng cốt hỗ trợ công nghệ số tại cơ sở đôi lúc chưa duy trì được sự thường xuyên, liên tục; nội dung và phương pháp hướng dẫn người dân đôi khi còn chung chung, chưa bám sát nhu cầu và thói quen thực tiễn của từng nhóm đối tượng cụ thể tại địa bàn.

II. NHỮNG TỒN TẠI, ĐIỂM NGHẼN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN

1. Nhiệm vụ quá hạn, nhiệm vụ tồn đọng, nhiệm vụ quan trọng

Căn cứ các chỉ tiêu được theo dõi, giám sát tiến độ thực hiện nhiệm vụ trên hệ thống báo cáo trực tuyến của Trung ương, UBND xã không có nhiệm vụ quá hạn hoặc tồn đọng thuộc phạm vi quản lý của UBND xã liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, kết quả đạt 34/34 nhiệm vụ.

2. Điểm nghẽn về thể chế

Một số văn bản hướng dẫn của cấp trên ban hành chưa đồng bộ, còn chồng chéo hoặc thay đổi trong quá trình triển khai thực hiện, nhất là sau khi sắp xếp tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp. Một số nội dung về chuyển đổi số ở cấp xã chưa có hướng dẫn cụ thể về nguồn lực, tiêu chí đánh giá và cơ chế thực hiện. Trách nhiệm thuộc các cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trong việc hoàn thiện thể chế, hướng dẫn thực hiện.

3. Điểm nghẽn về chuyển đổi số

Một số trang thiết bị công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị đã cũ, xuống cấp; kinh phí đầu tư thay thế còn hạn chế. Công tác bảo đảm an toàn thông tin chủ yếu dựa vào các giải pháp cơ bản, chưa có đội ngũ chuyên trách. Trách nhiệm thuộc địa phương trong việc rà soát, đề xuất nhu cầu; đồng thời cần sự hỗ trợ về kỹ thuật và nguồn lực từ cấp trên.

4. Điểm nghẽn về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Hoạt động nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo tại địa phương còn hạn chế; chưa hình thành các mô hình liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Việc ứng dụng các sáng kiến, giải pháp mới còn mang tính tự phát, chưa có cơ chế khuyến khích phù hợp. Trách nhiệm thuộc địa phương trong công tác tuyên truyền, phát động phong trào; đồng thời cần sự hỗ trợ của các cơ quan chuyên môn cấp trên.

5. Điểm nghẽn về tài chính, giải ngân

Nguồn kinh phí bố trí cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số còn hạn chế; chủ yếu đáp ứng các nhiệm vụ thường xuyên, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ quy mô lớn.

Nguyên nhân chủ yếu do khả năng cân đối ngân sách địa phương còn khó khăn.

6. Điểm nghẽn về nguồn nhân lực cho chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao cho phát triển KHCN và ĐMST

Địa phương chưa có cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin và chuyển đổi số; đội ngũ cán bộ, công chức chủ yếu được đào tạo ở các chuyên ngành khác nên kỹ năng ứng dụng công nghệ chưa đồng đều. Một số cán bộ chưa chủ động tự học, tự nghiên cứu để thích ứng với yêu cầu chuyển đổi số. Trách nhiệm thuộc mỗi cán bộ, công chức trong việc nâng cao năng lực; đồng thời cần có chính sách đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nguồn nhân lực phù hợp.

7. Các vấn đề khác có liên quan: Đời sống của một bộ phận người dân còn khó khăn; khả năng tiếp cận thiết bị thông minh và kỹ năng sử dụng công nghệ số chưa đồng đều, nhất là tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Điều này ảnh hưởng đến tiến độ phổ cập kỹ năng số và triển khai các dịch vụ số trên địa bàn.

Phần 4

NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG TÂM 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

I. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2026

1. Khắc phục những tồn tại, hạn chế đã chỉ ra

- Rà soát, đề xuất đầu tư, nâng cấp trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp tại các cơ quan, đơn vị; ưu tiên bổ sung máy tính, máy quét, thiết bị phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; chú trọng hỗ trợ người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế tiếp cận các dịch vụ số.

- Tiếp tục tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số; phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng trong hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, VNeID và các nền tảng số thiết yếu.

- Tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng; nâng cao nhận thức, kỹ năng phòng ngừa rủi ro an ninh mạng cho cán bộ, công chức trong quá trình xử lý công việc trên môi trường điện tử.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số; gắn kết quả thực hiện với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức được giao phụ trách.

2. Các nhiệm vụ, giải pháp làm cơ sở để đạt được mục tiêu của năm 2026:

a) Về công tác quản trị hành chính và Chính quyền số

Tập trung chuẩn hóa và hoàn tất việc vận hành quy trình lưu trữ văn bản điện tử theo đúng quy định; đảm bảo tỷ lệ văn bản trao đổi điện tử đạt mức cao nhất và tiến tới không còn tình trạng tồn đọng hồ sơ giấy. *(Chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND xã phối hợp các bộ phận chuyên môn).*

Thực hiện các giải pháp cải thiện tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình; tập trung hướng dẫn, hỗ trợ người dân chuẩn hóa thành phần hồ sơ ngay từ khâu tiếp nhận, đặc biệt là lĩnh vực đất đai và hộ tịch để giảm tỷ lệ hồ sơ bị trả lại. *(Chủ trì: Trung tâm Phục vụ hành chính công xã phối hợp các bộ phận chuyên môn).*

b) Về quản lý dữ liệu số và thực hiện Đề án 06

Tổ chức rà soát, cập nhật và đồng bộ hóa dữ liệu dân cư, dữ liệu chuyên ngành (hộ tịch, đất đai, an sinh xã hội) đảm bảo đáp ứng tiêu chí đúng, đủ, sạch, sống. *(Chủ trì: Công an xã phối hợp Văn phòng Văn phòng HĐND&UBND xã cùng các cơ quan, đơn vị chuyên môn).*

Tập trung xử lý dứt điểm các vướng mắc về thành phần hồ sơ đất đai đã được số hóa, đảm bảo tính thống nhất giữa bản đồ địa chính số và dữ liệu quản lý chuyên ngành. *(Chủ trì: Phòng Kinh tế xã).*

c) Về hạ tầng số và an toàn thông tin

Rà soát, lập danh mục và tham mưu phương án đầu tư nâng cấp đường truyền Internet, trang thiết bị máy tính, thiết bị mạng tại Ủy ban xã, khu vực dân cư còn hạn chế về hạ tầng kỹ thuật. *(Chủ trì: Phòng Kinh tế xã phối hợp Phòng Văn hóa - Xã hội xã).*

Duy trì, bảo trì định kỳ hệ thống mạng LAN, hệ thống camera an ninh và các thiết bị an ninh mạng nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu hành chính *(Chủ trì: Văn phòng HĐND&UBND xã phối hợp với Phòng Văn hóa - Xã hội xã cùng các cơ quan, đơn vị chuyên môn).*

d) Về phát triển Xã hội số và Kinh tế số

Phát huy vai trò của các Tổ công nghệ số cộng đồng tại 25 thôn; thực hiện tuyên truyền, hướng dẫn trực tiếp cho người dân về cách sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng định danh điện tử VNeID và các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt. *(Chủ trì: Phòng Văn hóa - Xã hội xã phối hợp Đoàn Thanh niên xã, Hội Phụ nữ xã, Công an xã).*

Hỗ trợ các hộ kinh doanh, hợp tác xã thực hiện số hóa hình ảnh sản phẩm, triển khai thanh toán qua mã QR và bước đầu xây dựng các mô hình kinh tế số đầu cuối

gắn với các sản phẩm thế mạnh của địa phương. (Chủ trì: Phòng Kinh tế xã).

II. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

- Đề nghị các bộ, ngành Trung ương: Tiếp tục nâng cấp, hoàn thiện các nền tảng số dùng chung, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính nhằm bảo đảm hoạt động ổn định, đồng bộ dữ liệu và thuận lợi trong quá trình khai thác, sử dụng tại cơ sở.

- UBND tỉnh:

+ Có cơ chế hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với các Tổ công nghệ số cộng đồng tại các xã, phường nhằm phát huy hiệu quả vai trò tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các nền tảng số và tham gia chuyển đổi số tại cơ sở.

- Sở Khoa học và Công nghệ:

+ Tham mưu UBND tỉnh sớm giải ngân kinh phí cho các xã đã đăng ký nhu cầu trang thiết bị máy tính để bố trí hạ tầng máy tính phục vụ đội ngũ cán bộ, công chức tại địa phương.

+ Mở các lớp bồi dưỡng kỹ năng chuyên sâu trong việc tham mưu thực hiện nhiệm vụ liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Hỗ trợ, hướng dẫn xây dựng mô hình khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số cấp xã.

Trên đây là Báo cáo kết quả tình hình triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị; nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2026. UBND xã. Kính gửi Thường trực Đảng ủy xã./.

Nơi nhận:

- TT Đảng ủy(b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- CVP, PCVP HĐND&UBND xã;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã;
- UBNDTTQVN và các tổ chức CT-XH xã;
- Công an xã;
- Lưu VT, VHXH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Thị Huyện